

Bản án số: 867/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Phạm Thị Ngọc.

2- Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số N đường số 712, Tổ 2, ấp M, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp M, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 03/4/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Việt tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau, hai người thường xiêng cãi vã nhau làm cho gia đình không hạnh phúc. Bà xác định tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông V.

* Về con chung có 02 trẻ tên: Huỳnh Tấn Việt P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/10/2013 bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 04/5/2018, bị đơn ông Huỳnh Tấn V trình bày:

Ông và bà Tài tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau, hai người đã ly thân nhiều năm nay. Bà T yêu cầu xin ly hôn thì ông đồng ý.

* Về con chung có 02 trẻ tên: Huỳnh Tấn Việt P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/10/2013 bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con, đồng ý với yêu cầu của bà T.

* Về tài sản chung: Không có.

* Nợ chung: Không có

Do bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Tấn V không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Tấn V tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc kết hôn giữa bà T và ông V không có giá trị pháp lý.

[3] Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông V, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc bà T và ông V sống chung như vợ chồng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông V là phù hợp.

[4] * Về con chung có 02 trẻ tên: Huỳnh Tấn Việt P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/10/2013 bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V đồng ý với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà T và ông V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, Hội đồng xét xử buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Tấn V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tấn Việt P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà T và ông V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Việt có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 00032257 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

(08b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

